

Bài 9: TÍNH CHẤT HOÁ HỌC CỦA MUỐI



KHỞI ĐỘNG

+ Hãy viết CTHH của một số chất có tên sau:

A. Sodium chloride

B. Magnesium sulfate

C. Potassium nitrate

D. Calcium hydrogencarbonate

A. NaCl

C. KNO_3

B. MgSO_4

D. $\text{Ca}(\text{HCO}_3)_2$

= > Em có nhận xét gì về thành phần phân tử của các hợp chất trên ?

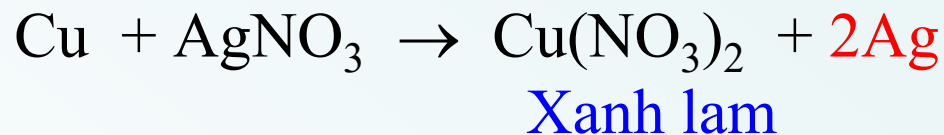
TÍNH CHẤT HOÁ HỌC CỦA MUỐI

I- Tính chất hoá học của muối:

1) Muối tác dụng với kim loại:

TN1: <https://www.youtube.com/watch?v=CWLhc8mZwqU>

Hiện tượng: Cu tan dần, có kim loại màu xám bám ngoài dây Cu, xuất hiện dung dịch màu xanh lam.

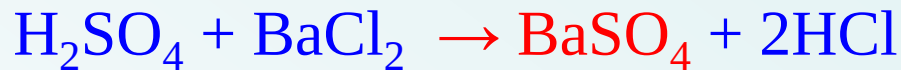


- Dd muối có thể tác dụng với kim loại tạo muối mới và kim loại mới.

2) Muối tác dụng với acid:

TN2: <https://www.youtube.com/watch?v=A445QOia54U>

Hiện tượng: Có kết tủa màu trắng xuất hiện



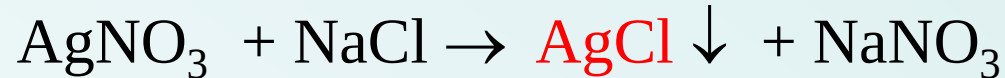
- Muối có thể tác dụng với acid sản phẩm tạo muối mới và acid yếu.



3) Muối tác dụng với muối.

TN3: <https://www.youtube.com/watch?v=NuleeVGLbEE>

Hiện tượng: Có kết tủa màu trắng xuất hiện

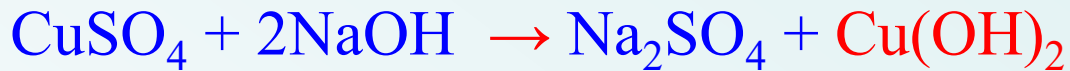


- Hai dd muối có thể tác dụng với nhau tạo 2 muối mới.

•4) *Muối tác dụng với base:*

TN4: <https://www.youtube.com/watch?v=l3VWJ9oYBLg>

Hiện tượng: Dd màu xanh lam nhạt dần, xuất hiện chất không tan màu xanh lơ.

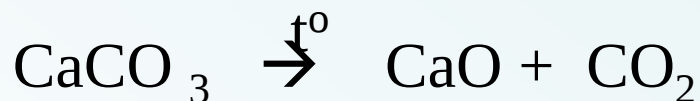
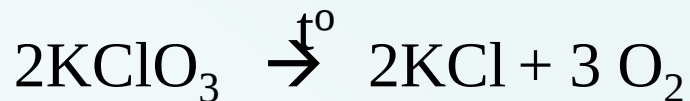


xanh lơ

5) Phản ứng phân huỷ muối:

1- Em hãy viết PTHH điều chế oxygen trong phòng thí nghiệm từ KClO_3 ?

2 – Viết PTHH điều chế CaO ?



LUYỆN TẬP

Bài tập 1: Dd Na_2CO_3 , tác dụng được với dung dịch nào để:

1/ Tạo ra chất kết tủa

a. H_2SO_4

b. BaCl_2

2/ Tạo ra chất khí

a. H_2SO_4

b. BaCl_2

Viết PTHH



LUYỆN TẬP

Bài tập 2: Để nhận biết 3 lọ mất nhãn đựng 3 dung dịch CuCl_2 , FeCl_3 , MgCl_2 ta dùng:

A. Quỳ tím

B. Dung dịch $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$

C. Dung dịch AgNO_3

D. Dung dịch KOH

VẬN DỤNG

Cho những dung dịch muối sau đây phản ứng với nhau từng đôi một, hãy ghi dấu nhân (x) nếu có phản ứng, dấu (o) nếu không có phản ứng. Viết PTHH ở ô có dấu nhân.

	Na_2CO_3	KCl	Na_2SO_4	NaNO_3
$\text{Pb}(\text{NO}_3)_2$	x	x	x	o
BaCl_2	x	o	x	o